

Phát triển ngành thủy sản Kiên Giang trong giai đoạn hiện nay

Thực trạng và giải pháp

ThS. NGUYỄN AN LẠC

Ngành thủy sản Kiên Giang được sự quan tâm lãnh đạo của Bộ Thủy sản nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tỉnh ủy và UBND tỉnh trong thực hiện 3 chương trình lớn của ngành: Khai thác, nuôi trồng và xuất khẩu thủy sản, đặc biệt là đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản, thu hút kêu gọi các nhà đầu tư trong lĩnh vực nuôi tôm công nghiệp. Thời tiết diễn biến tương đối thuận lợi cho nuôi tôm, tạo điều kiện triển khai thả giống ngay từ đầu vụ. Giá nguyên liệu duy trì ở mức cao (loại 40 con/kg – 30 con/kg khoảng 90 – 112 ngàn đồng/kg) đã kích thích người nuôi tăng vụ và mở rộng diện tích.

Tuy nhiên khó khăn vẫn tiếp tục nổi lên như nguồn lợi hải sản ven bờ suy giảm, giá dầu gia tăng vào cuối năm. Rào cản về kỹ thuật, rào cản an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh ngày càng khắt khe. Hàng thủy sản xuất khẩu qua thị trường Nhật nhiễm dư lượng kháng sinh, nhiễm khuẩn là những thách thức trong khâu xuất khẩu. Tình hình an ninh vùng biển vẫn diễn biến phức tạp.

Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm phân tích thực trạng tình hình khai thác, nuôi trồng, chế biến xuất khẩu của ngành thủy sản Kiên Giang trong các năm gần đây, mục tiêu chính là:

- Phân tích thực trạng tình hình phát triển ngành thủy sản Kiên Giang trong thời gian qua.
- Phân tích sự tác động của giá xăng dầu và các ảnh hưởng của nó đến các lĩnh vực như: đánh bắt, chế biến.
- Kiến nghị những giải pháp phát triển ngành thủy sản Kiên Giang trong giai đoạn hiện nay.

Phương pháp thu thập dữ liệu nghiên cứu và phân tích:

- Phương pháp thu thập dữ liệu
 - Dữ liệu thứ cấp: Các báo cáo tổng kết và tài liệu hội thảo về phát triển thủy sản của địa bàn nghiên cứu.
 - Dữ liệu sơ cấp:

+ Khảo sát ghi nhận thông tin cần thiết về các vấn đề cần nghiên cứu.

+ Phỏng vấn trực tiếp các cán bộ chủ chốt của ngành trên địa bàn nghiên cứu.

+ Phỏng vấn một số ngư dân.

• Phương pháp nghiên cứu, phân tích:

Các phương pháp nghiên cứu, phân tích trong quản trị được sử dụng gồm: phương pháp lịch sử, phương pháp mô tả, phương pháp nghiên cứu tương quan kết hợp với các kỹ thuật so sánh, thống kê, dự báo nhằm xem xét và phân tích sự vật, hiện tượng trong mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau một cách biện chứng và có hệ thống, để từ đó phát hiện ra những thuận lợi cũng như những bất cập nhằm tạo cơ sở cho việc đề ra giải pháp hợp lý cho việc phát triển ngành thủy sản tỉnh Kiên Giang.

Thực trạng ngành thủy sản Kiên Giang

• Về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản:

Tàu thuyền khai thác những năm 2005 – 2007 có mức tăng trưởng chậm. Năm 2005 toàn tỉnh có 7.565 chiếc với tổng công suất 1.059.110 CV, bình quân 189 CV/chiếc. Đến năm 2006 toàn tỉnh có 7.638 chiếc với tổng công suất 1.080.138 CV, bình quân 288 CV/chiếc so với cùng kỳ số tàu đóng mới là 73 chiếc, giảm 150 chiếc so với năm 2005. Nguyên nhân của việc tăng chậm là do trong năm 2006 giá dầu điều chỉnh 2 đợt tăng 14,6% làm cho ngư dân làm nghề cào phải mất đi hàng chục triệu đồng chi phí cho một chuyến biển trong lúc giá hải sản không tăng tương ứng, hiệu quả khai thác càng giảm sút. Việc trả nợ ngân hàng của ngư dân cũng gặp khó khăn do mức lợi nhuận từ một chuyến đi biển bị giảm sút do chi phí tăng, đời sống ngư phủ cũng gặp khó khăn do mức ăn chia thấp. Trong năm 2006 cũng đã có 400 phương tiện khai thác tạm ngưng hoạt động, lực lượng ngư phủ cũng biến động theo, gây khó khăn cho hoạt động đánh bắt. Đến năm 2007 toàn tỉnh có 7.255 chiếc với tổng công suất 1.189.255 CV, bình quân 163,92 CV/chiếc. Trước tình hình nguồn lợi hiện

nay và xu thế giá xăng dầu tăng ngư dân cũng đã ý thức được nên không đóng mới ô ạt tàu cá như các năm. Trong đó tàu từ 90 CV trở chiếm 33% về số lượng, 85,2% về công suất so với năng lực tàu cá của tỉnh. Mặc dù giá nhiên liệu tăng cao khoảng 15% nhưng giá tiêu thụ sản phẩm hải sản không ổn định và không tăng. Đó cũng là nguyên nhân dẫn đến ngành khai thác, đánh bắt xa bờ của tỉnh thời gian gần đây sụt giảm.

Bảng 1: Diễn biến số lượng phương tiện, công suất và sản lượng khai thác (2005-2007) của toàn Tỉnh

Danh mục	Đvt	Thực hiện		
		2005	2006	2007
- Tổng số phương tiện	Chiếc	7.565	7.638	7.255
- Tổng công suất	CV	1.059.110	1.080.138	1.189.255
- Bình quân	CV/chiếc	189	288	163,92
- Sản lượng khai thác	Tấn	305.567	311.618	315.157

(Nguồn: Sở thủy sản Kiên Giang)

Toàn tỉnh sản lượng khai thác năm 2006 là 311.618 tấn đạt 99,56% kế hoạch, tăng 1,98% so với cùng kỳ. Đến năm 2007 sản lượng khai thác là 315.157 tấn đạt 100,05% kế hoạch, tăng 1,14% so với cùng kỳ (mức tăng thấp hơn năm 2006). Thời tiết thuận lợi cho khai thác, giá cả tiêu thụ các loại hải sản tuy không ổn định nhưng có xu hướng tăng, hiệu quả khai thác của nghề cá ở ngư trường biển Tây có dấu hiệu khởi sắc so với ngư trường biển Đông, sản phẩm có giá trị cao như mực tăng so với cùng kỳ. Trước tình hình nguồn lợi thủy hải sản suy giảm đặt ra cho ngành thủy sản Kiên Giang phải có giải pháp hữu hiệu để phát triển ngành khai thác.

Mặc dù năng suất khai thác hải sản tăng không cao nhưng ổn định. Khó khăn nổi lên là giá dầu tăng đã ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất của ngư dân. Nhiều ngư dân chỉ lặn quần khai thác, đánh bắt gần bờ để tiết kiệm dầu thì nguy cơ cạn kiệt nguồn tài nguyên thềm lục địa. Riêng ngư trường biển Đông, nguồn lợi cá bò giảm nên lực lượng tàu thuyền của tỉnh gặp nhiều khó khăn hơn trước. Tình hình vùng biển nhất là trong vùng nước lịch sử Việt Nam – Campuchia vẫn còn diễn biến phức tạp. Một bộ phận ngư dân vì lợi ích kinh tế đã đưa tàu sang Campuchia khai thác. Ngược lại các lực lượng của Campuchia có vũ trang đã lấn sang ngư trường của ta để bắt tàu đòi chuộc. Đã có dư luận các tàu công suất

lớn bị bắt phạt và có khả năng chuộc là do thông tin nội bộ phía ta cung cấp. Trong năm 2007 đã xảy ra 34 vụ với 70 tàu của ngư dân VN bị kéo về phía Campuchia để nộp phạt 49.400 USD, 218.000 Baht, 129.1 triệu đồng và bị tịch thu một số thiết bị trên tàu...

Tình hình vi phạm các qui định về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản vẫn tiếp tục xảy ra, nhất là vi phạm về nghề cào bay, cào điện. Trong năm 2007 ngành thủy sản Kiên Giang đã tổ chức 77 cuộc tuần tra kiểm soát trên biển, thanh tra chuyên ngành đã phát hiện, xử lý 1.121 vụ (so với năm 2006 là 1.599 vụ) vi phạm về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, xử phạt hành chính, thu nộp Kho bạc Nhà nước gần 5 tỷ đồng (năm 2006 là 6,8 tỷ đồng). Trong đó, vi phạm nghề cào bay là 902 vụ (chiếm tỷ lệ 89,4%), cào điện 126 vụ (chiếm tỷ lệ 11,2%), Xiệp 42 vụ... Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm cho nguồn lợi thủy sản ven bờ suy giảm nghiêm trọng.

Tóm lại, khai thác hải sản gặp nhiều khó khăn do giá xăng dầu tăng và nguồn lợi giảm. Công tác bảo vệ ngư trường, bảo vệ nguồn lợi hiệu quả chưa cao. Nguyên nhân do sự phối hợp của ngành và địa phương chưa chặt chẽ. Công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về bảo vệ nguồn lợi chưa được nhiều.

● Về nuôi trồng thủy sản:

Bảng 2: Tình hình thực hiện các chỉ tiêu nuôi trồng thủy sản 2005-2007

STT	Danh mục	ĐVT	2005	2006	2007
1	Tôm nước lợ				
	- Diện tích	ha	34.560	39.196	51.044
	- Năng suất	kg/ha	927	971	1.206
	- Sản lượng	tấn	32.040	38.060	61.570
2	Sò huyết, cua				
	- Diện tích	ha	425	421	482
	- Năng suất	kg/ha	7.411	7.902	9.024
	- Sản lượng	tấn	3.150	3.334	4.350
3	Nuôi cá ao, mương, vườn				
	- Diện tích	ha	41.320	43.663	45.628
	- Năng suất	kg/ha	545	576	599
	- Sản lượng	tấn	23.140	25.150	27.377
4	Nuôi lồng bè				
	- Thể tích	m ³	7.560	8.950	11.680
	- Năng suất	kg/ m ³	40	40	32
	- Sản lượng	tấn	302	358	36
5	Tổng cộng				
	- Diện tích	Ha	83.865	92.230	99.209
	- Sản lượng	tấn	58.632	66.768	93.662

(Nguồn: Sở thủy sản Kiên Giang)

Diện tích nuôi trồng thủy sản toàn tỉnh đến năm 2007 mở rộng ra 99.209 ha, sản lượng 93.662 tấn, trong đó bao gồm 28.350 tấn tôm, 28.305 tấn cá nước ngọt, 365 tấn cá lồng bè, 4.00 tấn sò huyết, 765 tấn cua. So với kế hoạch diện tích tăng 2,7%, sản lượng tăng 31,2%; so với cùng kỳ diện tích tăng 8%, sản lượng tăng 25,2%. Riêng tôm sú diện tích 76.417 ha, sản lượng 28.350 tấn đạt 105% kế hoạch, tăng 20,8% so với cùng kỳ. Trong đó, tôm lúa 52.915 ha, chuyên tôm quảng canh và quảng canh cải tiến 22.343 ha, công nghiệp và bán công nghiệp 1.159 ha.

Hiện nay do nuôi tôm công nghiệp đạt năng suất, hiệu quả cao và ổn định nên các nhà đầu tư đưa thêm diện tích được thuê vào sản xuất. Công ty đầu tư phát triển sản xuất Hạ Long đã cải tạo 80 ha đất và thả nuôi khoảng 500 ha mặt nước, đạt năng suất từ 8 – 10 tấn/ha. Công ty Minh Phú đã cải tạo 175 ha đất và thả nuôi khoảng 150 ha mặt nước.

● **Về chế biến và xuất khẩu thủy sản:**

Bảng 3: Sản phẩm hải sản chế biến cho xuất khẩu qua các năm 2005 - 2007 tỉnh Kiên Giang

STT	Sản phẩm	ĐVT	2005	2006	2007
1	Tôm đông	tấn	1.550	1.656	5.115
2	Mực đông	//	5.350	10.385	11.980
3	Cá đông	//	440	3.000	3.605
4	Hải sản đông khác	//	7.200	8.200	4.000
5	Thịt tép, ghẹ, nghêu	//	1.550	1.700	1.950
6	Khô các loại	//	9.500	12.950	13.315
7	Trong đó mực khô	//	405	300	450
8	Bột cá	//	10.796	18.970	13.755
9	Cá cơm sấy	//	1.400	1.200	1.250
10	Nước mắm	1.000 lít	300	39.000	40.000
11	Cá hộp	1.000 lon	0	10.500	9.500
12	Hải sản khác	//	7.500	6.000	6.250
13	Tiêu hạt	//	50	17	30

(Nguồn: Sở thủy sản Kiên Giang)

Năm 2006, kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh đạt 81 triệu USD đạt 60% kế hoạch, giảm 10% so với cùng kỳ nguyên nhân là do thị trường xuất khẩu chưa ổn định, mặt hàng tôm đạt rất thấp, một số doanh nghiệp chủ lực như công ty xuất nhập khẩu của Tỉnh, công ty Kiên Cường không có đủ lượng tiền để thu mua nguyên liệu, giá cả nguyên liệu tăng.

Năm 2007 tổng sản lượng chế biến thủy sản đông lạnh là 24.700 tấn, đạt 65,87% kế hoạch, tăng 106,28% so với cùng kỳ, bao gồm 5.115 tấn tôm đông, 11.980 tấn mực đông, 3.605 tấn cá đông và 4.00 tấn hải sản khác. Nhưng so với kế hoạch năm thì sản lượng vẫn còn thấp.

Chế biến bột cá 13.755 tấn, giảm 27,48% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu 105 triệu USD, tăng 29,6% so với cùng kỳ. So với kế hoạch năm của UBND tỉnh giao đạt 77,7% (kế hoạch 135 triệu USD), so với kế hoạch Bộ thủy sản giao đạt 150%. Giá trị các mặt hàng xuất khẩu tuy đạt thấp so với kế hoạch nhưng vẫn duy trì ở mức cao hơn so với cùng kỳ, tôm đông tăng 211,4%.

Nguyên nhân xuất khẩu thủy sản đạt thấp so với kế hoạch của tỉnh là do một số doanh nghiệp chuyên chế biến mặt hàng tôm không đạt chỉ tiêu đề ra. Kim ngạch 10 tháng đầu năm của Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Kiên Giang (nay là Công ty cổ phần Thủy sản Kiên Giang) chỉ là 8.675.000 USD (đạt 57,8% kế hoạch năm), công ty Kiên Cường 15.990.000 USD (đạt 53,7% kế hoạch năm). Trong đó, do nguyên nhân khách quan là Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Kiên Giang ngưng hoạt động vì chuyển đổi chủ sở hữu. Công ty Hạ Long bị cháy hệ thống thiết bị mới lắp đặt nên chưa hoạt động.

Nhìn chung, năm qua tình hình khai thác có đạt kế hoạch nhưng khó khăn do tăng giá nhiên liệu sẽ là thách thức cho lĩnh vực này trong năm 2008. Nuôi trồng thủy sản phát triển khởi sắc. Nuôi tôm công nghiệp của các nhà đầu tư đạt năng suất và hiệu quả cao, tạo động lực thu hút mạnh mẽ vào lĩnh vực này trong thời gian tới. Nuôi luân canh một vụ tôm – một vụ lúa tiếp tục phát triển ổn định, góp phần cải thiện cuộc sống người lao động.

Giải pháp

Quan điểm xây dựng giải pháp:

Các giải pháp phải khắc phục được hoặc hạn chế được những vấn đề mà ngành thủy sản đang gặp phải, từ đó giúp cho ngành thủy sản giảm thiểu chi phí và đảm bảo sự phát triển mạnh và bền vững cho tất cả các khâu của thủy sản Kiên Giang.

Các giải pháp mang tính khả thi và mang lại hiệu quả kinh tế xã hội.

Mục tiêu phát triển của ngành đến năm 2010 :

- Sản lượng thủy sản : 438.200 tấn.

Trong đó : + Khai thác : 338.200 tấn.

+ Nuôi trồng : 100.000 tấn.

- Kim ngạch xuất khẩu : 180,0 triệu USD.

- Tổng vốn đầu tư XD CB trong 5 năm (2006 – 2010): 1.367 tỷ đồng.

Tháng Tư 2008

- Tốc độ tăng bình quân của giá trị tăng thêm từ 2006 – 2010 của ngành thủy sản Kiên Giang là 6,4%. Trong đó: khai thác 6,3%, nuôi trồng 13,3% chế biến 5,9%.
- Kim ngạch xuất khẩu (giá hiện hành) tăng bình quân hàng năm 5,9%.
- Các chỉ tiêu khai thác hải sản dự báo:

Bảng 4: Sản lượng khai thác dự báo

Năm Chỉ tiêu	2005	2010
Tổng sản lượng theo loài (tấn)	305.000	338.200
- Cá	214.400	225.000
- Tôm	30.600	35.200
- Mực	28.000	33.000
- Hải sản khác	32.000	45.000

Bảng 5 : Tàu thuyền, năng suất, lao động, năng suất lao động, thu nhập người lao động và năng suất khai thác

Danh mục	ĐVT	2005	2010
Tổng phương tiện	Chiếc	7.650	8.000
Tổng công suất	CV	1.147.500	1.650.000
BQ CV/phương tiện	CV/chiếc	150,00	180,00
Tổng số lao động	người	53.550	63.000
Năng suất lao động	tấn/người	4,310	4,600
Thu nhập của NLĐ	triệu đồng	1,6	2,0
BQ sản lượng trên mã lực	tấn/cv	0,36	0,36
BQ sản lượng trên phương tiện	tấn/chiếc	32,67	36,25

(Nguồn: Sở thủy sản Kiên Giang)

Một số giải pháp

- Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản:

Trước những nguy cơ thối nát về giá nhiên liệu tăng ngành thủy sản Kiên Giang cần học hỏi, rút kinh nghiệm từ những mô hình ngư dân các tỉnh, thành đã thành công trong việc giảm thiểu tác động của giá dầu như liên kết tổ, đội sản xuất, mở thêm tàu dịch vụ, cung ứng nhiên liệu. Nếu như hiện nay khai thác thủy sản ở Kiên Giang còn mang lối thủ công và bán thủ công, mang tính gia đình và chủ yếu dựa vào kinh nghiệm nên thiếu mô hình khai thác qui mô lớn, hoạt động xa khơi và dài ngày thì việc thành lập các hợp tác xã khoảng 10 – 15 thành viên, mỗi thành viên đóng góp 150 – 200 triệu đồng để nhận tài sản chuyển đổi là một tàu đánh bắt xa bờ. Từ đó trong những chuyến ra khơi, một tàu làm nhiệm vụ trung chuyển sản phẩm và cung ứng

nhiên liệu, thực phẩm cho 2 tàu còn lại. Cách làm này sẽ giảm thiểu chi phí về nhiên liệu, thời gian bám biển của các tàu đánh bắt xa bờ sẽ dài hơn và hiệu quả đánh bắt, khai thác cao hơn.

Ngành thủy sản cũng cần tổ chức tuyên truyền cho ngư dân thông qua các trạm khuyến ngư ở các huyện, hợp tác xã nghề cá... để ngư dân ý thức được những khó khăn trong tình hình hiện nay để từ đó có biện pháp hạn chế đóng mới ô ạt tàu cá như những năm trước.

Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2010. Cần tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn ngư dân tổ chức lại sản xuất trên biển.

- Nuôi trồng thủy sản:

Về giải pháp cơ bản lâu dài, để tránh sự tác động trực tiếp của giá cả nhiên liệu thì ngành thủy sản Kiên Giang phải coi nuôi trồng thủy sản là mũi nhọn đột phá, chế biến thủy sản kết hợp với gắn kết vùng nguyên liệu.

Để thực hiện được mục tiêu đề ra nhằm đưa ngành nuôi trồng thủy sản trở thành ngành sản xuất chính, trước hết cần có một số biện pháp cơ bản sau :

- Tiếp tục triển khai các dự án nuôi trồng thủy sản theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, nhằm khai thác tốt tiềm năng đất đai hoang hóa, các mặt nước chưa tận dụng nuôi trồng thủy sản, đầu tư kênh rạch tạo nguồn cho nuôi trồng thủy sản và sản xuất nông nghiệp.

- Xây dựng các mô hình phù hợp với đặc tính của từng vùng sinh thái với nhiệm vụ khôi phục phát triển nguồn lợi, bảo vệ môi sinh, môi trường để khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách lâu bền và có hiệu quả.

- Do có ưu thế với bờ biển dài và khu vực quanh các đảo còn bỏ trống, đây là môi trường rất tốt cho việc phát triển nuôi cá lồng trên biển, nuôi vẹm bằng kỹ thuật giàn treo theo công nghiệp, mở ra mô hình sản xuất mới, sản xuất hàng hóa có giá trị sản phẩm cao, và giải quyết công ăn việc làm thường xuyên cho nhiều lao động tại chỗ.

- Hạng đất tính thuế đối với đất nuôi trồng thủy sản cần được tính toán phù hợp và thời gian nộp thuế được linh động theo thời vụ thu hoạch sản phẩm. Khi sản xuất gặp thiên tai, dịch bệnh vẫn được hưởng chính sách miễn giảm thuế như sản xuất nông nghiệp nhằm tạo công bằng xã hội cũng như giúp dân vượt qua khó khăn, sớm ổn định cuộc sống và sản xuất.

- Chế biến và xuất khẩu thủy sản:

Tập trung vốn đầu tư nâng cấp các nhà máy chế biến hiện có, và đầu tư mới từ 2 – 3 nhà máy đông lạnh, 2 – 3 nhà máy chế biến bột cá, chế biến thức ăn chăn nuôi

công nghiệp có công nghệ thiết bị hiện đại, nhằm nâng cao số lượng, chủng loại và chất lượng sản phẩm. Đẩy mạnh xuất khẩu thành phẩm, các loại sản phẩm siêu thị vào thị trường mới như EU, Bắc Mỹ, Nhật và các nước trong khu vực.

Tiếp tục triển khai dự án mở rộng Bến cảng cá Tắc Cậu giai đoạn 2 phục vụ cho khâu hậu cần và chế biến xuất khẩu, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường hiện nay và thường xuyên duy tu bảo dưỡng sửa chữa máy móc thiết bị.

Cùng với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và định hướng ngành thủy sản tăng tỷ trọng GDP giai đoạn 2005 – 2010 là 17,48%, trong đó khai thác là 2,9% và nuôi trồng là 28,52% thì việc tăng diện tích nuôi tôm công nghiệp, nuôi cá nước ngọt, nuôi cua cần được chú trọng đầu tư về kỹ thuật, con giống và nhân lực. Từ đó sẽ giảm thiểu được tác động của việc tăng giá nhiên liệu đối với ngành thủy sản Kiên Giang.

Chống thất thoát sau thu hoạch bằng cách hình thành hệ thống chợ cá nằm trong qui hoạch chung hoặc ngay sát gần khu cảng cá, có đủ các điều kiện để phân loại, bảo quản, thương mại và đấu giá các loại nguyên liệu thủy sản.

Nâng cấp chất lượng nguyên liệu, giảm giá đầu vào bằng cách trang bị hệ thống bảo quản ngay trên tàu, xây dựng hệ thống chợ cá tại các cảng cá.

Cải tiến kỹ thuật, tổ chức sản xuất, tổ chức lao động để nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm nâng sức cạnh tranh hàng hóa, xây dựng và giữ vững uy tín thương hiệu của sản phẩm trên thương trường.

Kiến nghị đối với các cơ quan quản lý nhà nước - ngành

- Để thúc đẩy việc thành lập hàng loạt các hợp tác xã nêu trên đòi hỏi các cơ quan có thẩm quyền phải quan tâm đến việc tạo ra hành lang pháp lý hiệu quả, đủ mạnh để hỗ trợ đắc lực cho ngư dân.

- Ngành ngân hàng cần tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp và hộ gia đình được vay vốn dễ dàng và kịp thời. Trong lĩnh vực khai thác hải sản có ưu tiên đối với vốn vay để quay vòng vốn lưu động cho mỗi chuyến ra khơi bằng mức lãi thấp và thời gian cho vay trung hạn. Trong nuôi trồng và chế biến hải sản có lãi suất nâng đỡ cho các đối tượng sản xuất và chế biến hàng xuất khẩu. Khuyến khích ngư dân khai thác xa bờ theo hình thức hợp tác xã, thủ tục phải đơn giản và mức lãi suất cho vay ưu đãi, cùng với thời hạn cho vay ít nhất là 5 năm để người sản xuất có điều kiện trả nợ đúng hạn.

- Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, Nhà nước cần đẩy mạnh tiến độ đầu tư các công trình cảng cá

tuyến đảo, cụm kinh tế kỹ thuật trung tâm, các làng cá trọng điểm. Xây dựng cơ sở hạ tầng đặc biệt là hệ thống kênh mương thủy lợi, cầu lộ giao thông, điện, nước cho vùng dự án nuôi tôm xuất khẩu.

- Về công tác an ninh quốc phòng: Vùng biển Tây Nam - một ngư trường rộng lớn có sản lượng hải sản dồi dào với nhiều loại tôm, cá có giá trị kinh tế. Với đặc điểm là vùng biển rộng lớn có 105 hòn đảo lớn nhỏ, có vùng biển lịch sử với nước Campuchia và ngoài khơi là đường giao lưu quốc tế của tàu bè các nước trong khu vực. Do vậy, công tác an ninh cần hết sức coi trọng.

- Có chính sách giá cả hợp lý đối với dầu khai thác hải sản tránh việc tăng giá dầu đột biến.

Tóm lại, kinh tế thủy sản là một trong những thế mạnh của tỉnh Kiên Giang và đây là ngành kinh tế có khả năng tạo ra sản phẩm hàng hóa có giá trị kinh tế cao, góp phần tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu cho địa phương, cũng như giải quyết nhiều việc làm cho người lao động.

Mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản giai đoạn 2005 – 2010 mở ra triển vọng cho các ngành khai thác, nuôi trồng, chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá những điều kiện thuận lợi để đầu tư, nâng cấp, phát triển sản xuất một cách đồng bộ. Cùng với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, việc xây dựng các giải pháp nhằm góp phần phát triển ngành kinh tế thủy sản Kiên Giang sẽ làm thay đổi diện mạo của tỉnh Kiên Giang, góp phần giải quyết được nhiều vấn đề mang tính kinh tế và xã hội của tỉnh trong thời kỳ đổi mới và phát triển và rõ ràng trong điều kiện hiện nay thì việc tìm giải pháp đối phó với giá nhiên liệu (xăng, dầu) tăng, giúp ngư dân khai thác có hiệu quả trong thời điểm này là vấn đề rất khó của ngành thủy sản nói chung và thủy sản Kiên Giang nói riêng. Và việc để đảm bảo sự phát triển mạnh và bền vững cho tất cả các khâu của thủy sản Kiên Giang lại càng khó khăn hơn ■

Tài liệu tham khảo

1. Báo Kiên Giang (2003 – 2007)
2. Cục thống kê tỉnh Kiên Giang (01/2008), Niên giám thống kê năm 2007.
3. Fred David, Khái luận quản trị chiến lược, NXB Thống kê 1998.
4. Sở Thủy sản Kiên Giang (2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007), Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch của ngành thủy sản. Thủy sản Kiên Giang - điểm sáng biển Tây Nam.